TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rỏn.
2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thu T - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thiện P - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Trần Thu T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Thiện P xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Qúy Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vả. Ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thiện P.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Công D, sinh ngày 11/6/2008 và Huỳnh Tuấn T1, sinh ngày 05/6/2018, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Thiện P, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông P được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông P không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Bà Trần Thu T và ông Huỳnh Thiện P chung sống có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Qúy Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận định: Bà T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cải vã. Ông P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên không có căn cứ xem xét; qua lời trình bày của bà T, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Xét con chung Huỳnh Công D có nguyện vọng sống chung bà T, con chung Huỳnh Tuấn T1 dưới 36 tháng tuổi; từ khi ly thân con chung do bà T nuôi dưỡng, ông P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có tranh chấp về quyền trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, giao hai con chung

Huỳnh Công D và Huỳnh Thiện P cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Xét việc bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà T trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thu T được ly hôn với ông Huỳnh Thiện P.

2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thu T được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Huỳnh Công D, sinh ngày 11/6/2008 và Huỳnh Tuấn T1, sinh ngày 05/6/2018, hiện đang sống với bà T (theo nguyện vọng của con chung tên D). Ông Huỳnh Thiện P không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông P được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà T và ông P có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0008848 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục Pc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái